

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HS-ST  
Ngày: 01 - 6 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Thành

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trương Thị Kim Tiến – Nguyên Giáo viên, Nghề nghiệp: Chủ tịch hội khuyến học huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

2. Bà Lê Thị Xuân Đào - Nguyên Giáo viên, Nghề nghiệp: Phó chủ tịch hội khuyến học huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Kiều Thị T Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 và ngày 01 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý 45/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

**Nguyễn Tấn S**, sinh ngày 24/9/1999.

Nơi cư trú: ấp Mi, xã M, huyện Đ1, tỉnh L; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969 (sống) và bà Phạm Thị M, sinh năm 1967 (sống); Anh chị em ruột: có 02 người, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 2003; Bị cáo có vợ (**không có đăng ký kết hôn**) tên Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 2003; có 01 người con sinh năm 2021; Tiền án, Tiền sự: không có. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2022 đến nay (bị cáo có mặt).

**- Bị hại:**

1. Ông Nguyễn Bình N, sinh năm 1971;

Địa chỉ: K2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

2. Ông Võ Thanh P, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh L. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

1. Phạm Văn Q, sinh năm 2002; Nơi cư trú: Ấp 3, xã M, huyện Đ, tỉnh L; có mặt

2. Nguyễn Thanh T, sinh ngày 16/9/2004; Địa chỉ: K2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L, có mặt.

*Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Thanh T:* Bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1986; Địa chỉ: K2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L, có mặt.

3. Võ Thanh T, sinh ngày 24/6/2004; Địa chỉ: ấp Mi, xã M, huyện Đ1, tỉnh L. Có mặt.

*Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Võ Thanh T:* Ông Võ Văn C, sinh năm 1983 và bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1976; Cùng địa chỉ: Ấp Mi, xã M, huyện Đ1, tỉnh L; (ông Cảnh có mặt, bà K vắng mặt).

4. Bà Hà Thị Thu T, sinh năm 1978; Địa chỉ: K2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L, vắng mặt.

5. Ông Võ Thành N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp G, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L, vắng mặt.

6. Ông Phạm Văn N, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện Đ, tỉnh L, vắng mặt.

7. Bà Võ Thị Kim H, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L, vắng mặt.

*Người làm chứng:* Võ Thị G, Nguyễn Đình Q, Hoàng N (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 06/12/2021, Phạm Văn Q gọi điện thoại rủ Nguyễn Tấn S hẹn S ở khu vực Cầu sắt gặp Q để đi trộm tài sản lấy tiền tiêu xài, S đồng ý và gọi điện thoại cho Võ Thanh T, sinh ngày 24/6/2004 hẹn gặp nhau tại khu vực Cầu sắt thuộc xã M, huyện Đ, tỉnh L để đi tìm tài sản lấy trộm, T đồng ý. Sau đó, S điều khiển xe mô tô Exciter, màu đỏ đen, biển số 62P2-099.81 đến khu vực Cầu sắt gặp Q, S điều khiển xe chở Q đi được 100m thì gặp T đang điều khiển xe mô tô Exciter, màu đỏ đen, biển số 70L1-778.76 đi một mình. Tại đây, Q lấy ra 02 mũi dao dài 15cm và 01 chìa khóa chữ T dùng để bẻ khóa công tắc xe mô tô cho S và T xem đồng thời nói với S và T để Q điện thoại cho Nguyễn Thanh T, sinh ngày 16/9/2004 đi chung xe với T để T và T cảnh giới còn S chở Q tiếp cận tài sản cho Q vào lấy trộm, bàn bạc xong cả nhóm cùng thống nhất. Q điện thoại cho T rủ T đi trộm xe mô tô, T đồng ý. S chạy xe mô tô của S biển số 62P2-099.81 chở Q, T điều khiển xe mô tô của T biển số 70L1-778.76

cùng S và Q đi đến Cầu nhà thờ thuộc thị trấn Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đón T, T chở T, S chở Q cùng nhau đi tìm tài sản để lấy trộm.

Khi đi đến nhà Ông Nguyễn Bình N, sinh năm 1971, nơi cư trú: K2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L nhìn thấy 01 xe mô tô hiệu Honda Blade, màu xanh đen, biển số 62P1-751.56 dựng trong nhà không người trông coi nên cả nhóm thống nhất lấy trộm xe mô tô này. S, T, T ở ngoài cảnh giới còn Q đi lại vị trí xe mô tô biển số 62P1-751.56, thấy xe có sẵn chìa khóa nên Q dẫn lùi xe mô tô này đi ra ngoài đến cửa chính nhà Ông N cách vị trí ban đầu khoảng 3,5 mét, Q mở công tắc lên nổ máy nhưng xe không khởi động được. Lúc này, Ông N phát hiện truy hô nên Q bỏ xe mô tô lại rồi lên xe của S cùng T và T chạy tẩu thoát đến đường tỉnh lộ 825 thuộc thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Q qua xe T, T qua xe S cùng nhau chạy về hướng Đức Lập để tiếp tục tìm tài sản lấy trộm.

Khi đến trước cửa hàng chuyển phát nhanh bảng hiệu GHN thuộc Ấp G, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L cả nhóm nhìn thấy 01 xe mô tô Yamaha Sirius, màu đen bạc, biển số 62P1-234.33 của Ông Võ Thanh P, sinh năm: 1994, nơi cư trú: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh L dựng trước cửa hàng trên xe có sẵn chìa khóa không người trông coi nên cả nhóm dừng xe lại, Q xuống xe đi lại vị trí xe mô tô biển số 62P1-234.33 mở công tắc xe nổ máy cùng S, T, T tẩu thoát về hướng ngã tư Đức Lập. Khi đến ngã tư Đức Lập, S kêu Q đưa xe mô tô vừa trộm được cho T và T chạy về bãi giữ xe gần ngã ba thị trấn Hiệp Hòa để gửi, S và Q sẽ đến khu công nghiệp Tân Đức tiếp tục tìm tài sản để lấy trộm đồng thời chờ T và T, T và T đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe Exciter của T, T điều khiển xe mô tô biển số 62P1-234.33 cùng nhau đi đến tiệm giữ xe không biển hiệu của Bà Võ Thị Kim H, sinh năm 1968, nơi cư trú: K2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L làm chủ để gửi xe mô tô biển số 62P1-234.33 vừa trộm được. Gửi xe xong, T nhận được điện thoại của S kêu đến ngã ba Khu công nghiệp Tân Đức để tiếp tục đi tìm tài sản để lấy trộm, T điều khiển xe mô tô Exciter biển số 70L1-778.76 của T chở T đến Khu công nghiệp Tân Đức gặp S và Q. Sau đó, S, Q, T, T cùng nhau đi đến dãy trọ không tên thuộc ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thì dừng xe ngoài đầu đường dãy phòng trọ quan sát để tìm tài sản lấy trộm. Lúc này, có lực lượng Công an đi tuần tra phát hiện nên S điều khiển xe chở Q bỏ chạy còn T và T bị lực lượng Công an mời làm việc. Sau khi bỏ chạy thoát, S điều khiển xe mô tô chở Q về nhà S, Q mượn xe của S rồi điều khiển xe về nhà Q. Đến khoảng 09 giờ ngày 07/12/2021, Q điều khiển xe Exciter của S đến bãi giữ xe của bà Hòa lấy xe mô tô biển số 62P1-234.33 đưa cho S đi qua Campuchia bán được 3.000.000 đồng, S chia cho Q 1.500.000 đồng, Q tiêu xài vào mục đích cá nhân hết. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành cho T và T tiến hành nhận dạng Q và mời Q làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Phạm Văn Q, Võ Thanh T, Nguyễn Thanh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận định giá số: 120/KL.ĐGTS ngày 08/12/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Đức Hòa kết luận: 01 xe mô tô hiệu HONDA, loại BLADE, màu xanh đen, biển số 62P1-751.56, số khung:

3658GY109176, số máy: JA36E0583113 trị giá thành tiền 13.845.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu xanh, biển số 62P1-234.33, số khung: 630DY28126, số máy: 5C63728127 trị giá thành tiền 9.400.000 đồng. Tổng tài sản bị chiếm đoạt trị giá thành tiền: 23.245.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 45/CT-VKSĐH ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Nguyễn Tấn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tấn S trình bày: Phạm Văn Q là người gọi điện rủ bị cáo đi trộm tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, tại tòa bị cáo xác định Võ Thanh T, Phạm Văn Q và Nguyễn Thanh T (đang có mặt tại phiên tòa) cùng với bị cáo là những người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng truy tố. Bị cáo Q là người thực hiện còn bị cáo có nhiệm vụ cảnh giới. Về trách nhiệm dân sự bị cáo đã bồi thường cho bị hại Võ Thanh Phú giá trị xe mô tô là 9.400.000 đồng xong, bị cáo đã tự nguyện bồi thường xong không đề nghị các bị cáo khác liên đới trả lại. Bị cáo hoàn toàn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, Phạm Văn Q trình bày: Bị cáo là người rủ bị cáo Nguyễn Tấn S và rủ bị cáo Nguyễn Thanh T cùng với Võ Thanh T (do S gọi điện rủ) mục đích đi tìm tài sản để trộm bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo xác định Nguyễn Tấn S là người đang có mặt tại phiên tòa hôm nay. Bị cáo là người trực tiếp vào nhà bị hại Nguyễn Bình Như và Võ Thanh Phú để trộm tài sản các bị cáo còn lại trong đó có S ở ngoài nhằm nhiệm vụ cảnh giới.

Tại phiên tòa, Võ Thanh T trình bày: Nguyễn Tấn S là người gọi điện rủ T đi trộm tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, tại tòa Võ Thanh T xác định Nguyễn Tấn S, Phạm Văn Q và Nguyễn Thanh T cùng với bị cáo là những người thực hiện hành vi trộm như cáo trạng truy tố. Phạm Văn Q là người thực hiện còn các S, T, T có nhiệm vụ cảnh giới như cáo trạng của Viện kiểm sát huyện Đức Hòa truy tố.

Tại phiên tòa, Nguyễn Thanh T trình bày: Xác định bị cáo Nguyễn Tấn S cùng với Phạm Văn Q và Võ Thanh T, Nguyễn Thanh T là những người thực hiện hành vi trộm tài sản. Bị cáo Q là người thực hiện việc vào nhà bị hại trộm còn các bị cáo còn lại có nhiệm vụ cảnh giới như cáo trạng của Viện kiểm sát huyện Đức Hòa truy tố.

Bị hại Ông Nguyễn Bình N trình bày trong đơn đề ngày 18/5/2022: Lời khai của ông đã rõ tại cơ quan điều tra, ông đã nhận lại tài sản không có ý kiến gì. Vì bận công việc nên ông đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông trong vụ án này.

Bị hại Ông Võ Thanh P trình bày trong đơn đề ngày 18/5/2022: Ông là bị hại trong vụ án, lời khai của ông đã rõ tại cơ quan điều tra, ông đã nhận đủ tiền

bồi thường và không có ý kiến gì. Vì bận công việc nên ông đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông trong vụ án này.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo Nguyễn Tấn S gây ra; đồng thời căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm o và điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn S mức hình phạt tù 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù.

Căn cứ vào Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Về xử lý tang vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu đỏ, số khung: RLCE5P710AY040085, số máy: 5P71-040087; 01 biển số 70L1- 778.76 và 01 xe mô tô Honda Blade, màu xanh đen, biển số 62P1-751.56, số khung: 3658GY109176, số máy: JA36E0583113 đã được giải quyết bằng một vụ án khác nên không đề cập xem xét.

Đối với xe mô tô Exciter, màu đỏ đen, biển số 62P2-099.81 S đã bán cho một người không rõ nhân thân lai lịch với giá 3.000.000đồng nên Cơ quan điều tra không thu hồi được nên cần tịch thu số tiền 3.000.000đồng do S có được từ việc bán xe mô tô biển số 62P2-099.81 nhưng có khấu trừ số tiền 1.500.000 đồng gia đình bị cáo S đã nộp.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Bình N sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt xong không yêu cầu gì nên không đề cập xem xét.

Bị hại Ông Võ Thanh P yêu cầu bồi thường số tiền 9.400.000đồng. Bị cáo S đã bồi thường xong không có yêu cầu gì khác, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa, Điều tra viên, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người bị hại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Tấn S tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của Phạm Văn Q, Nguyễn Thanh T, Võ Thanh T; phù hợp với lời khai của bị hại Ông Nguyễn Bình N và Ông Võ Thanh P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng khác trong quá trình điều tra; phù hợp với biên bản vụ việc ngày 06/12/2021, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, Biên bản nhận dạng cùng với bản kết luận về định giá tài sản số 120/KL.ĐGTS ngày 08/12/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đức Hòa và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định:

Do muốn kiếm tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 18 giờ 30 phút ngày 06/12/2021, Nguyễn Tấn S cùng với Phạm Văn Q, Võ Thanh T, Nguyễn Thanh T thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 xe mô tô hiệu Honda loại Blade biển số 62P1-751.56 trị giá 13.845.000 đồng của ông Nguyễn như Bình tại K2, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L và 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Siriu, biển số 62P1-234.33 trị giá 9.400.000 đồng của Ông Võ Thanh P tại Ấp G, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L. Tổng trị giá tài sản Q, S, T, T chiếm đoạt được là 23.245.000 đồng

Hành vi của bị cáo Nguyễn Tấn S đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Nguyễn Tấn S theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản mà bị cáo Nguyễn Tấn S gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, quyền này được pháp luật hình sự bảo vệ, nếu người nào cố tình xâm hại thì sẽ bị pháp luật trừng phạt. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm hại trực tiếp đến tài sản đang thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Bình N và Ông Võ Thanh P, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương.

Khi thực hiện hành vi, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bị cáo là ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng nhưng bị cáo vẫn bất chấp thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị

cáo cần được xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự, có mức án phù hợp, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng trừng phạt, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, chưa có sự câu kết chặt chẽ. Tuy nhiên khi quyết định mức hình phạt cần xem xét, phân tích vai trò của từng bị cáo trong vụ án. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Tấn S thực hiện hành vi phạm tội với vai trò người rủ rê bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo S tham gia với vai trò người cảnh giới để Phạm Văn Q trực tiếp thực hiện hành vi trộm.

[3]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Tấn S phạm tội thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên và xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội (rủ rê Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/6/2004) nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo Nguyễn Tấn S trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường cho bị hại và được bị hại Võ Thanh Phú làm đơn bãi nại và sau khi bị phát hiện bị cáo tự nguyện đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) nên khi áp dụng hình phạt cho bị cáo có xem xét giảm nhẹ một phần.

[4]. Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Tấn S là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tang vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu đỏ, số khung: RLCE5P710AY040085, số máy: 5P71-040087; 01 biển số 70L1- 778.76 và 01 xe mô tô Honda Blade, màu xanh đen, biển số 62P1-751.56, số khung: 3658GY109176, số máy: JA36E0583113 đã được giải quyết theo bản án số 50/2022/HS-ST ngày 01/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên không đề cập xem xét.

- Đối với xe mô tô Exciter, màu đỏ đen, biển số 62P2-099.81 sử dụng làm phương tiện phạm tội. Nguyễn Tấn S khai đã bán cho một người không rõ nhân thân lai lịch với giá 3.000.000đồng nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Vì vậy cần tịch thu số tiền 3.000.000đồng do S có được từ việc bán xe mô tô biển số 62P2-099.81 nhưng có khấu trừ số tiền 1.500.000 đồng gia đình bị cáo S đã nộp theo biên lai thu số 0002371 ngày 04/5/2022, buộc bị cáo S phải nộp tiếp 1.500.000đồng.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Đối với bị hại Ông Nguyễn Bình N sau khi Cơ quan điều tra giao trả lại tài sản bị chiếm đoạt xong không yêu cầu gì nên không đề cập xem xét.

Bị hại Ông Võ Thanh P yêu cầu bồi thường số tiền 9.400.000đồng. Bị cáo Nguyễn Tấn S đã tự nguyện bồi thường cho Ông P xong không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 9.400.000đồng bị cáo Nguyễn Tấn S đã tự nguyện bồi thường cho Ông P xong. Bị cáo Sng không yêu cầu Phạm Văn Q, Nguyễn Thanh T, Võ Thanh T liên đới trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Đối với hành vi của Phạm Văn Q, Võ Thanh T, Nguyễn Thanh T cùng với các bị cáo Nguyễn Tấn S thực hiện hành vi phạm tội đã được giải quyết trong vụ án khác theo Bản án số 50/2022/HS-ST ngày 01/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8]. Đối với người đàn ông tên Ron người Campuchia đã mua xe 62P1. 234.33 mà Nguyễn Tấn S bán do không rõ nhân thân lai lịch, chỉ có lời khai của Nguyễn Tấn S nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Tấn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tấn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/4/2022.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Tấn S 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01/6/2022) để đảm bảo thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với số tiền 3.000.000đồng do S có được từ việc bán xe mô tô biển số 62P2-099.81. Khấu trừ số tiền 1.500.000 đồng gia đình bị cáo S đã nộp theo biên lai thu số 0002371 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, buộc bị cáo Nguyễn Tấn S phải nộp tiếp 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng).



Tang vật trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang quản lý theo Bảng thống kê vật chứng theo ngày 29 tháng 4 năm 2022.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, buộc bị cáo Nguyễn Tấn S nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

4. Án xử sơ thẩm tuyên án công khai. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Thành**

